UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NINH
SỞ Y TẾ

Số: 1942/QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 - Kinh phí mua sắm triển khai hạ tầng, thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 của UBND thành phố Quảng Ninh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh về việc giao bổ sung dự toán cho Sở Y tế kinh phí thực hiện nhiệm vụ: Mua sắm bản quyền phần mềm, mua sắm triển khai hạ tầng, thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế;

Căn cứ các Quyết định của Sở Y tế: số 1201/QĐ-SYT ngày 31/7/2026 về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm Triển khai hạ tầng, thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế; số 1938/QĐ-SYT ngày 21/9/2026 của Sở Y tế về việc điều chỉnh chủ trương và dự kiến kinh phí mua sắm Triển khai hạ tầng, thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 - Kinh phí mua sắm triển khai hạ tầng, thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế cho các đơn vị trực thuộc như sau:

Tổng số: **12.575,188 triệu đồng** *Chi tiết theo phụ biểu đính kèm.*

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước được giao, các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo đúng nhiệm vụ được giao, đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- KBNN khu vực III - Phòng nghiệp vụ 2;
- Cổng TTĐT SYT (công khai);
- Sở Tài chính;
- Thủ trưởng cơ quan Văn phòng Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTC3.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Bùi Mạnh Hùng

PHỤ BIỂU

BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2026 - KINH PHÍ MUA SẮM TRIỂN KHAI HẠ TẦNG, THIẾT BỊ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ TRIỂN KHAI CHỮ KÝ SỐ CHO NGƯỜI DÂN TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
	Tổng số	**12.575,188**	**10.018,000**	**3.722,000**	**2.557,188**	**2.557,188**	**3.722,000**	
*****	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**12.575,188**	**10.018,000**	**3.722,000**	**2.557,188**	**2.557,188**	**3.722,000**	
1	**Văn phòng Sở Y tế**	**0**	**0**	**3.722,000**	**0**	**2.557,188**	**1.164,812**	
-	Thiết lập kết nối và điều phối dữ liệu y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; hình thành cơ sở dữ liệu y tế tỉnh	0	0	3.722,000	0	2.557,188	1.164,812	
II	**Kinh phí mua sắm thiết bị và giải pháp công nghệ phục vụ triển khai chữ ký số cho người dân trong lĩnh vực y tế**	**12.575,188**	**10.018,000**	**0**	**2.557,188**	**0**	**2.557,188**	
II.1	**Phần mềm, dịch vụ chữ ký số**	**1.340,136**	**902,736**	**0**	**437,400**	**0**	**437,400**	
1	**Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung**	**135,000**	**67,500**	**0**	**67,500**	**0**	**67,500**	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
1.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	13,500	13,500	0	0	0	0	
1.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	13,500	13,500	0	0	0	0	
1.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	13,500	13,500	0	0	0	0	
1.4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	13,500	13,500	0	0	0	0	
1.5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	13,500	13,500	0	0	0	0	
1.6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	13,500	0	0	13,500	0	13,500	
1.7	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	13,500	0	0	13,500	0	13,500	
1.8	Bệnh viện Phổi	13,500	0	0	13,500	0	13,500	
1.9	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	13,500	0	0	13,500	0	13,500	
1.10	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	13,500	0	0	13,500	0	13,500	
2	**Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)**	**1.205,136**	**835,236**	**0**	**369,900**	**0**	**369,900**	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
2.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	113,400	113,400	0	0	0	0	
2.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	97,200	97,200	0	0	0	0	
2.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	162,000	162,000	0	0	0	0	
2.4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	67,500	67,500	0	0	0	0	
2.5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	110,160	110,160	0	0	0	0	
2.6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	104,976	104,976	0	0	0	0	
2.7	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	180,000	180,000	0	0	0	0	
2.8	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	64,800	0	0	64,800	0	64,800	
2.9	Bệnh viện Y học cổ truyền	62,100	0	0	62,100	0	62,100	
2.10	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	81,000	0	0	81,000	0	81,000	
2.11	Bệnh viện Phổi	64,800	0	0	64,800	0	64,800	
2.12	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	48,600	0	0	48,600	0	48,600	
2.13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	48,600	0	0	48,600	0	48,600	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
II.2	**Thiết bị phần cứng phục vụ ký số**	**10.537,452**	**8.584,664**	**0**	**1.952,788**	**0**	**1.952,788**	
1	**Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)**	**6.820,632**	**5.575,784**	**0**	**1.244,848**	**0**	**1.244,848**	
1.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	471,744	471,744	0	0	0	0	
1.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	334,152	334,152	0	0	0	0	
1.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên (03 cơ sở)	648,648	648,648	0	0	0	0	
1.7	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	353,808	353,808	0	0	0	0	
1.8	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	589,680	589,680	0	0	0	0	
1.9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	1.218,672	1.218,672	0	0	0	0	
1.10	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	2.358,720	1.959,080	0	399,640	0	399,640	
1.11	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	393,120	0	0	393,120	0	393,120	
1.12	Bệnh viện Y học cổ truyền	157,248	0	0	157,248	0	157,248	
1.13	Bệnh viện Phổi	255,528	0	0	255,528	0	255,528	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
1.14	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	39,312	0	0	39,312	0	39,312	
2	**Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)**	**2.243,700**	**1.782,000**	**0**	**461,700**	**0**	**461,700**	
2.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	89,100	89,100	0	0	0	0	
2.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	405,000	405,000	0	0	0	0	
2.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên (03 cơ sở)	218,700	218,700	0	0	0	0	
2.4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	64,800	64,800	0	0	0	0	
2.5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	162,000	162,000	0	0	0	0	
2.6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	648,000	648,000	0	0	0	0	
2.7	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	194,400	194,400	0	0	0	0	
2.8	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	162,000	0	0	162,000	0	162,000	
2.9	Bệnh viện Y học cổ truyền	16,200	0	0	16,200	0	16,200	
2.10	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	129,600	0	0	129,600	0	129,600	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
2.11	Bệnh viện Phổi	40,500	0	0	40,500	0	40,500	
2.12	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	48,600	0	0	48,600	0	48,600	
2.13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	64,800	0	0	64,800	0	64,800	
3	**Màn hình cảm ứng ký số tại quầy**	**1.473,120**	**1.226,880**	**0**	**246,240**	**0**	**246,240**	
3.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	47,520	47,520	0	0	0	0	
3.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	146,880	146,880	0	0	0	0	
3.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên (03 cơ sở)	116,640	116,640	0	0	0	0	
3.4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	34,560	34,560	0	0	0	0	
3.5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	86,400	86,400	0	0	0	0	
3.6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	345,600	345,600	0	0	0	0	
3.7	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	449,280	449,280	0	0	0	0	
3.8	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	86,400	0	0	86,400	0	86,400	
3.9	Bệnh viện Y học cổ truyền	8,640	0	0	8,640	0	8,640	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
3.10	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	69,120	0	0	69,120	0	69,120	
3.11	Bệnh viện Phổi	21,600	0	0	21,600	0	21,600	
3.12	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	25,920	0	0	25,920	0	25,920	
3.13	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	34,560	0	0	34,560	0	34,560	
II.3	**Dịch vụ triển khai, tích hợp**	**697,600**	**530,600**	**0**	**167,000**	**0**	**167,000**	
1	**Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao**	**697,600**	**530,600**	**0**	**167,000**	**0**	**167,000**	
1.1	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	129,600	129,600	0	0	0	0	
1.2	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	90,000	90,000	0	0	0	0	
1.3	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	120,000	120,000	0	0	0	0	
1.4	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	50,000	50,000	0	0	0	0	
1.5	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	81,000	81,000	0	0	0	0	
1.6	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	60,000	60,000	0	0	0	0	

STT	Nội dung	Tổng cộng	Bổ sung theo Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND thành phố	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
					Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm		
1.7	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	27,000	0	0	27,000	0	27,000	
1.8	Bệnh viện Lão khoa - Phục hồi chức năng	50,000	0	0	50,000	0	50,000	
1.9	Bệnh viện Phổi	30,000	0	0	30,000	0	30,000	
1.10	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	30,000	0	0	30,000	0	30,000	
1.11	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	30,000	0	0	30,000	0	30,000	

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

Mẫu biểu số 48

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

Dùng cho các Sở, cơ quan thuộc cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan thuộc cấp xã)
báo cáo Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước khu vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số	Văn phòng Sở Y tế	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	Bệnh viện Lão khoa - PHCN	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	Bệnh viện Y học cổ truyền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**10.018,000**	**(2.557,188)**	**864,864**	**1.086,732**	**1.159,488**	**654,168**	**2.411,748**	**746,820**	**343,220**	**425,928**	**205,932**	**191,460**	**998,240**	**3.242,,400**	**244,188**
1	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**10.018,000**	**(2.557,188)**	**864,864**	**1.086,732**	**1.159,488**	**654,168**	**2.411,748**	**746,820**	**343,220**	**425,928**	**205,932**	**191,460**	**998,240**	**3.242,400**	**244,188**
1.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.018,000	(2.557,188)	864,864	1.086,732	1.159,488	654,168	2.411,748	746,820	343,220	425,928	205,932	191,460	998,240	3.242,400	244,188
-	Thiết lập kết nối và điều phối dữ liệu y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; hình thành cơ sở dữ liệu y tế tỉnh	(2.557,188)	(2.557,188)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	1.340,136	0	126,900	110,700	175,500	81,000	118,476	78,300	94,500	78,300	62,100	62,100	110,160	180,000	62,100
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*135,000*	*0*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	*13,500*	0	0	0
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*1.205,136*	*0*	*113,400*	*97,200*	*162,000*	*67,500*	*104,976*	*64,800*	*81,000*	*64,800*	*48,600*	*48,600*	*110,160*	*180,000*	*62,100*

Số TT	Nội dung	Tổng số	Văn phòng Sở Y tế	Bệnh viện Đa khoa Cẩm Phả	Bệnh viện Đa khoa khu vực Quảng Yên	Bệnh viện Đa khoa khu vực Tiên Yên	Bệnh viện Đa khoa khu vực Vân Đồn	Bệnh viện Đa khoa khu vực Móng Cái	Bệnh viện Đa khoa khu vực Đông Triều	Bệnh viện Lão khoa - PHCN	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Sức khỏe tâm thần	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả	Bệnh viện Đa khoa thành phố Quảng Ninh	Bệnh viện Y học cổ truyền
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	10.537,452	0	608,364	886,032	983,988	453,168	2.212,272	641,520	198,720	317,628	113,832	99,360	838,080	3.002,400	182,088
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*6.820,632*	*0*	*471,744*	*334,152*	*648,648*	*353,808*	*1.218,672*	*393,120*	*0*	*255,528*	*39,312*	*0*	*589,680*	*2.358,720*	*157,248*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*2.243,700*	*0*	*89,100*	*405,000*	*218,700*	*64,800*	*648,000*	*162,000*	*139,600*	*40,500*	*48,600*	*64,800*	*162,000*	*194,400*	*16,200*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*1.473,120*	*0*	*47,520*	*146,880*	*116,640*	*34,560*	*345,600*	*86,400*	*69,120*	*21,600*	*25,920*	*34,500*	*86,400*	*449,280*	*8,640*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	697,600	0	129,600	90,000	0	120,000	81,000	27,000	50,000	30,000	30,000	30,000	50,000	60,000	0
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*697,600*	*0*	*129,600*	*90,000*	*0*	*120,000*	*81,000*	*27,000*	*50,000*	*30,000*	*30,000*	*30,00*	*50,000*	*60,000*	*0*
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		**1043525**	**1119295**	**1166443**	**1166531**	**1166460**	**1166435**	**1166372**	**1131510**	**1078627**	**1049846**	**1126909**	**1017341**	**1017339**	**1078628**
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		**2811**	**2813**	**2812**	**2814**	**2813**	**2818**	**2815**	**2811**	**2811**	**2811**	**2811**	**2813**	**2811**	**2811**

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh
Chương: 423

Mẫu biểu số 47

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ Y TẾ

Mã số QHNS: 1043525

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**- 2.557,188**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**- 2.557,188**
1.1	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**- 2.557,188**
-	Thiết lập kết nối và điều phối dữ liệu y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; hình thành cơ sở dữ liệu y tế tỉnh	**- 2.557,188**

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẨM PHẢ

Mã số QHNS: 1119295

Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**864,864**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**864,864**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	864,864
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	126,900
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	13,500
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	113,400
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	608,364
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	471,744
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	89,100
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	47,520
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	129,600
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	129,600

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TIÊN YÊN

Mã số QHNS: 1166531

Mã KBNN nơi giao dịch: 2814

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**1.159,488**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**1.159,488**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.159,488
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	175,500
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	13,500
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	162,000
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	983,988
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	648,648
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	218,700
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	116,640

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Mã số QHNS: 1017339

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**3.242,400**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**3.242,400**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.242,400
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	180,000
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*180,000*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	3.002,400
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*2.358,720*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*194,400*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*449,280*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	60,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*60,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN LÃO KHOA - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Mã số QHNS: 1131510

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**343,220**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**343,220**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	343,220
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	94,500
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*81,000*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	198,720
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*129,600*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*69,120*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	50,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*50,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CẨM PHẢ

Mã số QHNS: 1017341

Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**998,240**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**998,240**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	998,240
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	110,160
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*110,160*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	838,080
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*589,680*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*162,000*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*86,400*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	50,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*50,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN PHỔI

Mã số QHNS: 1078627

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**425,928**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**425,928**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	425,928
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	78,300
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*64,800*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	317,628
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*255,528*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*40,500*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*21,600*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	30,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*30,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC QUẢNG YÊN

Mã số QHNS: 1166443

Mã KBNN nơi giao dịch: 2812

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**1.086,732**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**1.086,732**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.086,732
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	110,700
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*97,200*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	886,032
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*334,152*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*405,000*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*146,880*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	90,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*90,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC ĐÔNG TRIỀU

Mã số QHNS: 1166372

Mã KBNN nơi giao dịch: 2815

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**746,820**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**746,820**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	746,820
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	78,300
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*64,800*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	641,520
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*393,120*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*162,000*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*86,400*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	27,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*27,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC VÂN ĐỒN

Mã số QHNS: 1166460

Mã KBNN nơi giao dịch: 2813

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**654,168**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**654,168**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	654,168
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	81,000
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*67,500*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	453,168
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*353,808*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*64,800*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*34,560*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	120,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*120,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC MÓNG CÁI

Mã số QHNS: 1166435

Mã KBNN nơi giao dịch: 2818

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**2.411,748**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**2.411,748**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.411,748
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	118,476
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*104,976*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	2.212,272
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*1.218,672*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*648,000*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*345,600*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	81,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*81,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Mã số QHNS: 1126909

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**191,460**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**191,460**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	191,460
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	62,100
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*48,600*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	99,360
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*64,800*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*34,560*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	30,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*30,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN SỨC KHOẺ TÂM THẦN

Mã số QHNS: 1049846

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**205,932**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**205,932**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	205,932
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	62,100
+	*Thuê dịch vụ phần mềm quản lý, cấp phát và ký số tập trung*	*13,500*
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*48,600*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	113,832
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*39,312*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*48,600*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*25,920*
-	Dịch vụ triển khai, tích hợp	30,000
+	*Dịch vụ triển khai, tích hợp hệ thống HIS/EMR/LIS/PACS, cấu hình quy trình nghiệp vụ, đào tạo và bàn giao*	*30,000*

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Sở Y tế Quảng Ninh

Mẫu biểu số 47

Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Sở Y tế thành phố Quảng Ninh)

ĐƠN VỊ: BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã số QHNS: 1078628

Mã KBNN nơi giao dịch: 2811

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**244,188**
1	**Chi y tế, dân số và gia đình**	**244,188**
1.1	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	244,188
-	Phần mềm, dịch vụ chữ ký số	62,100
+	*Thuê dịch vụ chứng thư chữ ký số công cộng cấp cho người bệnh, người đại diện của người bệnh (ký số từ xa trên HSM, tích hợp định danh và xác thực bằng thẻ căn cước gắn chíp)*	*62,100*
-	Thiết bị phần cứng phục vụ ký số	182,088
+	*Máy tính bảng chuyên dụng phục vụ ký số tại giường bệnh (tích hợp đọc thẻ căn cước gắn chíp và xác thực vân tay)*	*157,248*
+	*Thiết bị đọc thẻ căn cước gắn chíp tích hợp mô - đun sinh trắc học (vân tay)*	*16,200*
+	*Màn hình cảm ứng ký số tại quầy*	*8,640*